

Mục Lục

Lời nói đầu.....	3
Nguyên tắc dạy thành công.....	4
Hướng dẫn dạy.....	5
Năm bước dạy (tóm tắt).....	7
Cách dạy viết cho bài 1	8

BÀI HỌC 1- 23

<u>Bài 1</u> : a, b, c, e, o , , , ,	24
<u>Bài 2</u> : đ, u, ư, m	26
<u>Bài 3</u> : n, l, i, y	28
<u>Bài 4</u> : t, v, ê, on , ^ , ,	30
<u>Bài 5</u> : ôn tập.....	32
<u>Bài 6</u> : h, ch, ia, yêu	34
<u>Bài 7</u> : r, tr, ua, ai, ao.....	36
<u>Bài 8</u> : th, ô, ôi, ơ, ơ.....	38
<u>Bài 9</u> : ng, ây, ên, ươi	40
<u>Bài 10</u> : s, nh, ă, ang	42
<u>Bài 11</u> : ôn tập.....	44
<u>Bài 12</u> : x, in, gi.....	46
<u>Bài 13</u> : ph, ược, ông	48
<u>Bài 14</u> : anh, ưc, ât.....	50
<u>Bài 15</u> : am, an, ư	52
<u>Bài 16</u> : ư, ươ, iên	54
<u>Bài 17</u> : ôn tập.....	56
<u>Bài 18</u> : inh, k, kh, oi.....	58
<u>Bài 19</u> : en, ân, ung.....	60
<u>Bài 20</u> : eo, âu, ông	62

Bài 21: em, ăng, iêu	64
Bài 22: ong, êt, ui	66
Bài 23: CHỮ IN , THẺ TỪ VỰNG	68

Copyright 2006 by LEI
For purchasing and printing, write to:
Literacy International
1800 South Jackson Avenue
Tulsa, OK 74107 USA
E-mail:

Lời nói đầu

Trong thời đại thông tin-tri thức ngày nay, nếu một quốc gia bao gồm những người biết đọc, biết viết ngôn ngữ của chính họ thì tình hình đất nước ấy chắc chắn sẽ được cải thiện và vị thế cạnh tranh của đất nước sẽ được nâng cao, vì chính những người ấy có thể tự học các tri thức hữu ích qua việc học đọc nhiều nguồn tài liệu khác nhau và đem những tri thức ấy giúp đất nước và các lãnh đạo của mình.

Trên bình diện của hội thánh, mọi tín hữu phải là những người tự tìm kiếm lời Đức Chúa Trời qua việc đọc kinh thánh. Vì vậy, là những người học thức, chúng ta có trách nhiệm dạy người chưa biết đọc để họ có thể tự mình tra cứu lời Đức Chúa Trời.

Bộ sách vỡ lòng này được soạn dành riêng cho người chưa biết chữ để họ học đọc, học viết cách hữu hiệu.

Bộ sách gồm 2 quyển, có 60 bài và chia làm 2 phần: phần thứ nhất là phần hướng dẫn dành cho giáo viên, phần 2 là phần bài học.

Để việc dạy học đạt kết quả tốt, giáo viên trước khi dạy cần đọc kỹ phần hướng dẫn.

Từ bài 12, có những câu chuyện về chúa Giê-xu và bài 26 trở đi là những mẫu chuyện kinh thánh cùng bài học cách viết chữ in hoa, cách viết số, viết thư.

Tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác chân thành của các bạn đồng công. Chính sự làm việc đầy nhiệt huyết của quý vị đã góp phần làm cho quyển sách hoàn thành cách tốt đẹp.

Nam H. Kim, Ph.D
LEI, Asia Regional Director

Nguyên tắc dạy thành công

1. Nói nhẹ nhàng, lịch sự, khiêm tốn.
2. Hãy nói ít, đơn giản, dễ hiểu.
3. Luôn luôn tạo cho học sinh sự dạn dĩ. Đừng quên khen nếu thấy học sinh có cố gắng, chăm chỉ học. Và dù học sinh có sai cũng đừng nổi giận.
4. Đừng bao giờ nói: “Không, sai rồi. Cái đó mà không biết hả?”
5. Phải khiêm tốn, tôn trọng danh dự của học sinh. Hãy đối xử bình đẳng với học sinh. Đừng bao giờ thể hiện mình là người giỏi hơn.
6. Khi học sinh sai, đừng bao giờ cười và cũng đừng cho phép người khác cười.
7. Yêu thương học sinh và hãy nói với người đó rằng: “Tôi tin chắc rằng em có thể học một cách nhanh chóng.”

ĐIỀU NÊN NHỚ

Việc dạy những nội dung của sách này mà không dựa trên 5 bước hướng dẫn một cách chính xác thì hoàn toàn không thể dạy được. Giáo viên phải học thuộc năm bước hướng dẫn từ bài 1 đến những bài kế tiếp để dạy đúng, chuẩn xác.

Hãy nhìn bảng hướng dẫn dạy học sau, hãy xem từ trang 20 đến 27. Không thể dạy bằng cách khác những bài trong quyển 1 và chỉ có thể dạy dựa vào 5 bước hướng dẫn ở trang 12 và 16.

CẦU NGUYỆN PHỤC VỤ LÀM CHỨNG

*“Thần của Chúa ngự trên ta;
Vì Ngài đã xức dầu cho ta đặt truyền tin lành cho kẻ nghèo;
Ngài đã sai ta để rao cho kẻ bị cầm được tha,
Kẻ mù được sáng,
Kẻ bị hà hiếp được tự do;
Và để đồn ra năm lành của Chúa.” (Lu-ca 4: 18-19)*

Hướng dẫn dạy

A. LÀM CHỨNG NHƯ THẾ NÀO?

I. CHUẨN BỊ ĐỂ LÀM CHỨNG:

Mục đích của việc dạy người mù chữ mà chúng ta đang làm là dạy để những người mù chữ có thể đọc Kinh Thánh. Việc này làm cho đời sống đức tin của họ càng phong phú và làm tăng năng lực chứng đạo của Hội Thánh. Chính vì thế, giáo viên phải chuẩn bị để nắm lấy cơ hội làm chứng trong mỗi bài. Giáo viên khi dạy học sinh đọc cũng có thể khám phá ra những nhu cầu thuộc linh sâu sắc hơn nữa. Giáo viên phải trở thành bạn của học sinh. Khi buổi học bắt đầu hoặc kết thúc thì có thể mở đầu làm chứng bằng cách đọc Kinh Thánh và cầu nguyện. Một giáo viên tận tình phải luôn luôn chuẩn bị mình bằng lời cầu nguyện trước khi gặp học sinh.

Sau khi kết thúc mỗi bài, phần làm chứng của giáo viên là phần quan trọng nhất của bài đó. Trang thứ hai của mỗi bài đều có câu Kinh Thánh. Khi kết thúc mỗi bài, giáo viên có thể đọc cho học sinh câu Kinh Thánh này, hoặc cũng có thể đọc những sách Phúc Âm hay những câu có liên quan trong Kinh Thánh. Từ bài 12, giới thiệu Danh Chúa Giê-xu và trong mỗi bài gồm cả nội dung Kinh Thánh. Giáo viên phải đưa Chúa Giê-xu ra làm gương để học sinh lúc nào cũng nhìn Chúa Giê-xu mà phản ứng. Chúa Giê-xu phán: “Khi Ta bị treo lên cây gỗ, Ta sẽ kéo mọi người đến với Ta”. Việc giáo dục người mù chữ mà không có lời làm chứng là một điều thiếu sót và thường bị thất bại trong việc làm vững lòng tin của học sinh hay làm chứng mà không có sự phục vụ. Nhưng cùng với sự cầu nguyện, phục vụ trong yêu thương, làm chứng – ba điều này sẽ mang đến cho chúng ta cơ hội tốt nhất để có thể kéo nhiều người đến với Chúa Giê-xu.

Trước khi bắt đầu mỗi bài học, giáo viên hãy giúp đỡ để học sinh không căng thẳng. Nếu làm như vậy sẽ giúp học sinh có thể thoải mái học cho tới khi mỗi bài học kết thúc và có thể tiếp thu lời làm chứng của giáo viên. Những phương pháp sau sẽ có ích cho việc dạy người mù chữ và giảng Phúc Âm.

II. NỘI DUNG LỜI LÀM CHỨNG:

Nếu quý vị đã cầu nguyện đủ và dạy dỗ trong tình yêu của Đấng Christ thì học sinh cũng có thể tự hỏi những câu hỏi như: “Tại sao giáo viên này lại đối xử tốt với mình như thế? Điều gì làm cho giáo viên này tử tế như thế?” Hoặc khi giáo viên kết thúc bài học đầu tiên có thể hỏi như thế này: “Các bạn có biết tại sao người Tin Lành chúng tôi dạy cho mọi người cách đọc chữ không?”. Khi đó, giáo viên có thể nói như thế này: “Chúng tôi đang làm việc này vì Chúa Giê-xu muốn. Chúa Giê-xu là Đấng hướng dẫn chúng tôi và là Đấng tốt nhất trong lịch sử nhân loại. Chúa Giê-xu đã chữa lành người bệnh, cho người đói ăn, làm cho người mù được sáng mắt. Và trên hết là Chúa Giê-xu đã yêu tôi và bạn đến nỗi Ngài đã vì tội lỗi của chúng ta mà chịu khổ nạn và chịu chết. Chúa Giê-xu là con độc nhất của Đức Chúa Trời đã chết vì tất cả nhân loại. Nhưng Đức Chúa Trời đã làm cho Đức Chúa Giê-xu sống lại từ cõi chết. Hiện giờ, Đức Chúa Giê-xu ở cùng Đức Chúa Trời ở các nơi trên trời. Nếu trong lòng bạn có sự tối tăm thì Đức Chúa Giê-xu có thể mang ánh sáng của Đức Chúa Trời đến trong lòng bạn để xóa tan sự tối tăm đó. Và nếu trong lòng bạn có sự sợ hãi hay đau đớn nào thì Đức Chúa Trời có thể mang sự bình an của Ngài đến trong lòng bạn để xóa tan sự sợ hãi và đau đớn đó. Đức Chúa Giê-xu đã tha thứ tội lỗi của chúng ta và mang tình yêu của Ngài đến trong lòng chúng ta. Tôi muốn dạy các bạn cách đọc để các bạn có thể biết Chúa Giê-xu một cách mật thiết và để các bạn có thể đọc những câu chuyện của Chúa Giê-xu trong Kinh Thánh. Đức Chúa Giê-xu là người bạn của tôi và là Cứu Chúa của tôi. Và Đức Chúa Giê-xu

cũng có thể trở thành bạn của các bạn và là Cứu Chúa của các bạn.

Thông qua sự dạy dỗ chân thành của quý vị, quý vị sẽ có được cơ hội nói về Đấng Christ cho học sinh. Nếu quý vị trở thành người bạn của học sinh thì học sinh sẽ tin cậy quý vị và qua đó quý vị giúp họ kinh nghiệm được ân điển cứu rỗi của Chúa Giê-xu Christ.

Sau khi dạy bài hai, giáo viên phải khen, khích lệ học sinh và phải chuẩn bị làm chứng lần thứ hai. Việc giáo viên đọc nội dung tiếp theo tốt hơn là nói nội dung đó. Giáo viên có thể nói với học sinh: “Tôi đã nói cho các bạn về tình yêu lạ lùng của Chúa Giê-xu trong Kinh Thánh. Chúa Giê-xu hiện giờ đang sống và cầu nguyện cho các bạn. Bây giờ tôi sẽ đọc cho các bạn nghe câu chuyện lạ lùng của Chúa Giê-xu trong Kinh Thánh. Người không biết đọc chữ cũng giống như người mù, họ không biết cái gì trong sách, nhưng khi học đọc xong các bạn có thể tự mình đọc sách. Câu chuyện tôi sẽ đọc bây giờ là câu chuyện về cuộc đời của một người mù từ khi mới sinh ra. (Giăng 9:1-7, 35-41)

Sau khi dạy mỗi bài, giáo viên phải làm chứng ngắn trong vòng vài phút, với tư cách là một chứng nhân của Chúa Giê-xu, giáo viên đọc những câu Kinh Thánh có liên quan khi kết thúc mỗi bài học, hoặc cũng có thể đọc sách Phúc Âm hay một phần nào trong Kinh Thánh. Hãy lắng nghe tiếng của Đức Thánh Linh, Ngài sẽ dạy quý vị những lời sẽ phải nói và những điều không nên nói.

B. DẠY NHƯ THẾ NÀO?

I. CHUẨN BỊ ĐỂ DẠY

Trước khi dạy cách đọc giáo viên hãy nói với học sinh: “Tôi mong các bạn sau khi học đọc sẽ dạy cách đọc này cho ít nhất một người khác. Tôi mong các bạn sẵn lòng dạy cho một người khác những cái bây giờ các bạn đang học”. Việc dạy người lớn rất khác với trẻ con. Người lớn có ý chí tự do và muốn tự mình học. Những người đó không đến bắt buộc. Nhiều người lớn không phải là bản thân họ không thể đọc được mà họ sợ mắc cỡ nếu đang đọc lại đọc sai. Dù là như thế nhưng người lớn muốn học nhanh và học dễ hơn. Cho nên, khi dạy người lớn nên bắt đầu đọc câu từ bài 1. Điều mà quý vị không muốn là làm tổn thương tình cảm học sinh. Trái lại, điều quý vị muốn là học sinh liên tục đến lớp để nhận được nhiều bài học hơn. Chính vì thế hãy thực hiện những nội dung sau một cách thận trọng:

1. Nói nhẹ nhàng, tôn trọng, khiêm tốn.
2. Luôn tạo cho học sinh sự dạn dĩ. Đừng quên khen khi thấy học sinh nỗ lực chăm chỉ học tập. Và tuyệt đối đừng nổi giận dù học sinh làm theo không tốt hay sai.
3. Phải khiêm tốn và tôn trọng học sinh. Hãy đối xử bình đẳng với học sinh. Đừng thể hiện mình là người giỏi hơn.
4. Tuyệt đối không cười khi học sinh không làm được hay sai, cũng không để người khác cười. Đừng bắt học sinh phải học chăm chỉ quá, cũng đừng làm học sinh nghĩ là học quá chậm.
5. Yêu thương học sinh và nói rằng : “Tôi tin chắc các bạn có thể học được một cách nhanh chóng”. Nếu có thể giáo viên hãy làm cho việc dạy học trở nên vui vẻ và thú vị.
6. Trong trường hợp quý vị không thể dạy được thì hãy tìm giáo viên khác, nếu không thì cùng với học sinh lập kế hoạch trước để có thể dạy vào giờ khác

KHI DẠY CHO HỌC SINH, HÃY NHỚ NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG SAU:

1. Hãy nói ít, đơn giản, dễ hiểu.
2. Tuyệt đối không nói kiểu như: “Không, sai rồi” hoặc “Cái đó mà không biết hả?”. Hãy giúp đỡ để học sinh tự tìm câu trả lời đúng. Cho học sinh biết đáp án chỉ khi nào cần thiết.
3. Chỉ hỏi những cái học sinh có thể trả lời, đừng hỏi những cái học sinh chưa học. Mỗi khi trả lời đúng họ sẽ có lòng tự tin hơn.
4. Quý vị đã hỏi xong nhưng trong vài giây nếu không có câu trả lời thì hãy giúp đỡ để tự học sinh có thể trả lời câu hỏi đó. Hãy nói đáp án chỉ khi nào cần thiết.
5. Đừng hỏi hai lần cùng một câu hỏi.
6. Đừng đọc lặp lại theo học sinh khi họ đã đọc được từ đó. Điều này không biết có làm cho người lớn nổi giận hay không. Đừng làm học sinh chán bằng những lời nói mà họ biết trước.
7. Trước khi dạy mỗi bài học, quý vị nhất định phải lập kế hoạch dạy theo từng bước như đọc trước toàn bộ bài sẽ dạy và dạy như thế nào. Điều này làm cho mỗi bài học tiến hành nhanh chóng hơn và sẽ giúp học sinh học nhanh hơn.
8. Hãy ra bài tập cho học sinh sau khi kết thúc mỗi bài học. Những bài tập như ôn tập lại cái vừa mới học hoặc viết những câu của bài học đó là những bài tập tốt. Trong khi học bài sau, giáo viên cho học sinh viết câu của bài học trước để có thể kiểm tra tình hình học tập của học sinh.

Một giáo viên giỏi là liên tục nỗ lực để cải thiện việc dạy của mình. Hãy chỉ dưới mỗi từ và đọc chậm chậm. Chỉ nói những cái sẽ phải nói, đừng nói những cái khác. Nên nói một lần, đừng lặp lại những cái đã dạy rồi và đừng lặp lại trước khi học sinh mệt. Chỉ dạy phát âm, đừng dạy tên của chữ. Trước khi bắt đầu mỗi bài học, giáo viên dành thời gian để kiểm tra, chuẩn bị bài dạy một cách toàn

diện, phải lập toàn bộ kế hoạch để dạy học sinh. Hãy cố gắng dạy phương pháp đọc bằng cách thách thức học sinh đọc. Việc dạy bằng cách giải thích mỗi từ là không ích lợi. Trái lại, điều đó làm giảm khả năng đọc của học sinh, đối với học sinh, họ cần có thời gian suy nghĩ. Nếu học sinh dừng lại ở từ vựng nào, hãy để học sinh tự suy nghĩ nhưng đừng để suy nghĩ quá lâu. Nếu học sinh dù đã suy nghĩ trong một lúc mà không nhận ra từ nào thì giáo viên phải giúp đỡ. Hãy dạy từ từ và trước khi học sinh có thể đọc những câu trong bài học hiện tại thì giáo viên đừng tiến hành dạy bài mới. Nhưng trước khi bắt đầu bài sau thì không nhất thiết học sinh phải biết tất cả những chữ đã học rồi.

Hãy ngồi bên cạnh học sinh. Như thế sẽ làm cho học sinh có cảm giác quý vị là người bạn và hãy làm cho học sinh không nghĩ quý vị là người giỏi hơn mình. Hãy cố gắng làm việc cùng với Chúa Giê-xu Christ hơn là với người nào đó đã từng gặp.

II. CHUẨN BỊ ĐỂ ĐỌC

1. Theo hướng dẫn của trang 20 – 21, giáo viên hãy giúp đỡ để học sinh nhận ra tất cả những chữ và ký hiệu của trang đó.
2. Theo hướng dẫn của trang 22 – 23, hãy giúp đỡ để học sinh phát âm và nhận ra âm tiết, từ vựng và chữ của trang đó. Quá trình chuẩn bị trước khi đọc như thế sẽ làm cho học sinh quen với những bài học đầu của trang 1 nhanh chóng hơn, đây không phải là để dạy từ hay chữ.

III. PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN ĐỌC

Khi dạy mỗi bài, giáo viên phải học thuộc năm bước hướng dẫn sau:

1. Dạy từ vựng bằng hình ảnh
2. Tìm từ vựng
3. Dạy ô chữ
4. Sử dụng thẻ từ vựng
5. Dạy câu

Bước 1: Dạy Từ Vựng Bằng Hình Ảnh

Giáo viên phải học thuộc tất cả những từ được gạch dưới. Từ của bài 1 gồm có hai chữ: “ca” và “bò”. Giáo viên vừa chỉ hình cái “ca”, nói đây là cái “ca” và bảo hãy nói “ca”. Nếu làm thế học sinh cũng gọi là “ca”. Giáo viên liên tục chỉ hình và hỏi đây là hình gì? Học sinh nói là “ca”. Giáo viên chỉ từ “ca” bên cạnh hình và nói từ này là “ca” và bảo học sinh nói “ca”. Học sinh nói “ca”. Giáo viên chỉ từ “ca” và hỏi “từ này là gì?”. Học sinh nói “ca”.

Giáo viên che chữ “c”, “ca” kết thúc là “a”, bảo học sinh nói “a”, học sinh nói “a”. Giáo viên chỉ “a” dưới “ca” và nói đây là “a”. Khi bảo học sinh nói “a”, học sinh nói “a”. Giáo viên chỉ mỗi chữ “a” còn lại và hỏi học sinh “Đây là gì?”. Mỗi lần như vậy học sinh trả lời là “a”. Giáo viên chỉ hình chữ “ca” và hỏi “Đây là gì?” Học sinh nói là “ca”. Khi đó giáo viên khen là “tốt lắm” hay “giỏi lắm”

Giáo viên cũng theo phương pháp này để dạy chữ “bò”. Giáo viên chỉ hình “con bò” và nói đây là hình con “bò”, bảo học sinh nói “bò”. Nếu làm như thế thì học sinh cũng sẽ nói “bò”. Giáo viên liên tiếp chỉ hình và hỏi “Đây là hình gì?” Học sinh nói “bò”. Giáo viên chỉ từ “bò” bên cạnh hình và nói đây là từ “bò”, bảo học sinh nói: “bò”. Học sinh nói “bò”. Giáo viên chỉ từ “bò” và hỏi “Từ này gọi là từ gì?” Học sinh trả lời “bò”

Giáo viên che chữ “b” của “bò”, “bò” kết thúc là “o”, bảo học sinh nói “o”, học sinh nói “o”. Giáo viên chỉ “o” phía dưới “bò” và nói “đây là “o”, bảo học sinh nói “o” và học sinh nói “o”.

Giáo viên chỉ mỗi chữ “o” còn lại và hỏi “Đây là gì”. Mỗi lần như thế học sinh trả lời “o”. Giáo viên chỉ hình chữ “bò” và hỏi “Đây là gì?” Học sinh trả lời “bò”. Khi đó giáo viên khen học sinh. Giáo viên chỉ hình chữ “ca” và hỏi “đây là gì?”. Học sinh trả lời “ca”. Giáo viên chỉ “bò” và hỏi “đây là gì?” Học sinh trả lời “bò”. Giáo viên khen “tốt lắm”. (Những bài tiếp theo cũng sử dụng phương pháp giống bước 1).

Bước 2: Tìm từ

Tìm hai từ “ca” và “bò” ở chỗ khác của bài 1. Giáo viên chỉ từ đầu tiên và hỏi “từ này là gì?”. Học sinh trả lời “ca”. Nếu như vậy, giáo viên bảo học sinh mỗi khi tìm được từ này trong bài thì nói là “ca”. Nếu học sinh không trả lời ngay được thì giáo viên vừa chỉ vào chỗ có ghi chữ “ca” vừa chỉ chữ “ca” bằng hình và hỏi học sinh “từ này có giống với từ này không?”. Học sinh trả lời “có”. Giáo viên chỉ vào chữ bằng hình trước và hỏi học sinh “từ này là từ gì?”, sau đó chỉ vào từ ở nơi khác và hỏi “từ này là từ gì?”. Khi đó học sinh sẽ trả lời là “ca” trong mỗi câu hỏi. Giáo viên khen “tốt lắm”.

Giáo viên hỏi về chữ “bò” cũng bằng phương pháp này. Giáo viên tay trái chỉ từ, tay phải chỉ phạm vi của bài học, bảo học sinh mỗi khi tìm thấy từ này trong bài thì nói là “bò”. Nếu học sinh không tìm được từ “bò” thì giáo viên hướng dẫn họ giống như cách hướng dẫn từ “ca”.

Bước 3: Dạy ô chữ

Giáo viên tiến hành dạy từ và âm tiết trong mỗi ô chữ từ trên xuống dưới (từ trái sang phải), dạy theo số thứ tự của mỗi ô chữ. Những âm tiết và những từ ở bên trái của mỗi ô thì giáo viên dạy giống như cách ở bước 1. Còn những âm tiết và những từ ở bên phải mỗi ô thì giáo viên vừa dạy vừa hỏi “Đây là gì?”. Cho nên khi hướng dẫn bước 3 thì phải giữ theo nguyên tắc sau. Cách hỏi theo nguyên tắc hãy tham khảo từ trang 18 đến trang 20.

1. Nếu từ ở trong ô là từ đã học rồi thì giáo viên hỏi học sinh “từ này là từ gì?”. Nếu học sinh không thể trả lời hoặc trả lời sai thì cố gắng để học sinh lặp lại theo giáo viên và đọc chính xác. Nếu trong trường hợp học sinh không nhận ra được từ vựng ở trong ô thì giáo viên không nên dạy ngay cho học sinh. Thay vào đó, giáo viên một tay chỉ từ trong ô, một tay chỉ vào

cùng một từ đó ở hình bên cạnh và hỏi “từ này giống với từ này không?”.

2. Khi hướng dẫn những hình 3, 4, 5, 7, 8, giáo viên hỏi “đây là gì?”. Nếu học sinh không đọc được, giáo viên hãy nói “đây là....., hãy đọc là.....”.
3. Nếu từ đó là từ mới và nếu là từ học sinh không biết thì giáo viên dạy “đây là từ....., hãy đọc là từ.....”

Nói tóm lại, khi hướng dẫn bước 3, giáo viên hỏi những âm tiết và từ vựng ở bên trái ô chữ và hỏi những cái học sinh đã học ở bên phải ô để kiểm tra lại những từ nào học sinh biết, những từ nào không biết.

* **Lưu ý:** Trong bước 3 của mỗi bài, khi dạy 2/3 ô chữ cuối, giáo viên cho học sinh tìm những từ vựng và âm tiết giống nhau trong câu của phần dạy câu. Giáo viên phải nhớ bước này là bước khó nhất đối với học sinh. Nếu giáo viên đã dạy đầy đủ mà học sinh không thể đọc được tất cả âm tiết và từ vựng ở ô nhưng nếu học sinh có thể đọc được những câu ở phần dạy câu thì giáo viên phải tiếp tục tiến hành dạy bước 4. Trong những bài tiếp theo, giáo viên phải sử dụng cùng phương pháp dạy như ở bước 3.

Bước 4: Dùng thẻ từ vựng

Trong tất cả những bài học, giáo viên phải sử dụng thẻ mà trên đó có ghi âm tiết mới và từ vựng mới của bài học đó. Giáo viên cho học sinh xem từng tấm thẻ và trên mỗi tấm thẻ ghi một từ vựng hay một âm tiết. Giáo viên giơ tấm thẻ lên hỏi: “Đây là gì?” Học sinh trả lời là “ca”. Nếu trong vài giây học sinh không trả lời được thì giáo viên nói: “Đây là “ca”, bảo học sinh nói “ca””. Học sinh trả lời là “ca”.

Tấm thẻ còn có thể được sử dụng để ôn tập từ vựng và âm tiết ở bài học trước. Giáo viên cho học sinh xem nhiều thẻ theo thứ tự. (**Lưu ý:** Nếu học sinh không nhận ra từ vựng thì giáo viên không nên nói những từ đó. Thay vào đó, giáo viên sau khi chỉ vào tấm thẻ từ vựng thì vừa chỉ vào từ giống với từ đó ở bên cạnh hình vừa

hỏi “Từ này có giống với từ này không?”. Nếu từ vựng hay âm tiết đó không phải là từ ở trong hình và nếu học sinh không nhận ra từ đó thì giáo viên nói “Đây là.....” “Hãy nói là.....” “Đây là gì?”

Những tấm thẻ nào học sinh không biết một cách chắc chắn giáo viên phân loại riêng ra. Sau khi cho học sinh xem tất cả những thẻ đó, giáo viên giơ những tấm thẻ mà học sinh không biết lên và hỏi lại một lần nữa. Lặp lại quá trình này cho đến khi kiểm tra tất cả những tấm thẻ một cách chính xác. (Giáo viên khi dạy bước 4 ở những bài học sau cũng sử dụng cùng một cách như vậy.)

Bước 5: Dạy câu

Giáo viên vừa chỉ vào từ vựng ở dưới mỗi trang vừa nói: “Hãy đọc thử những từ vựng ở phần dưới của bài học này.” Sau đó, giáo viên hỏi học sinh có thể đọc câu nào. Nếu học sinh có thể đọc được thì để cho học sinh đọc. Nếu học sinh không thể đọc được thì:

1. Giáo viên nói như thế này: “Tôi sẽ đọc câu này trước. Hãy nghe kỹ.” Sau đó, giáo viên vừa chỉ ngón tay vào dưới mỗi từ vừa đọc tất cả các câu một cách chậm chậm từ trái sang phải như khi học sinh đọc câu. Sau đó, sau khi giáo viên bảo học sinh “Nào! Hãy đọc cùng với tôi.” thì cùng với học sinh đọc tất cả các câu. Và giáo viên khen “Tốt lắm”
2. Giáo viên sau khi nói “Nào! Bây giờ các bạn thử đọc một mình nhé!” thì giáo viên chỉ vào dưới từ vựng ở mỗi câu từ trái sang phải trong thời gian học sinh đọc câu. Tiếp theo, giáo viên khen học sinh “Tốt lắm” (Giáo viên cũng sử dụng cùng một phương pháp này để dạy bước 5 ở những bài sau)

Điểm quan trọng: Khi giáo viên dạy những bài học phải dạy bước 5 theo thứ tự đã giải thích ở trên. Giáo viên đọc và làm theo nguyên tắc ở trang 33 để dạy bài học 34 là Kinh Thánh tóm tắt. Giáo viên phải dạy 10 từ vựng (bước 3) ở trong hộp lớn theo các bước sau. Trước tiên, giáo viên hỏi “Từ này là gì?”. Nếu học sinh không đọc được thì giáo viên nói “Từ này là “căn nhà” và bảo học sinh nói “căn nhà”. Giáo viên tiếp tục hỏi học sinh “Từ này là gì?” Sau đó,







giáo viên chỉ vào âm tiết của từ và nói “Đây là “nhà””, bảo học sinh nói “nhà”. Nếu giáo viên hỏi học sinh “Đây là gì?” thì học sinh trả lời “nhà”.

Sau đó, giáo viên vừa chỉ từ vựng vừa nói: “Chúng ta có thể tìm âm “nhà” trong bài này không?” Giáo viên hỏi học sinh có thể phát âm từ vựng ở dưới trang của mỗi bài không, nếu học sinh không thể làm được thì sau khi giáo viên phát âm rồi hỏi học sinh “Đây là gì?” Sau đó, giáo viên hướng dẫn câu rồi hỏi, đáp chữ.










ĐỌC TRƯỚC KHI DẠY (1-4)

Trước khi học bài 1 hãy luyện tập một cách thực tế như sau:

Giáo viên nói với học sinh “Hãy nhìn vào ô này. Mỗi khi các bạn nhìn thấy hình dạng này (O) thì vẽ từ trái sang phải và từ trên xuống dưới. Giáo viên thị phạm rồi bảo học sinh “Nào, các bạn làm thử xem!” Sau đó, giáo viên nói “Giỏi lắm!” Đối với những hình dạng từ khác thì giáo viên cũng dạy cùng một cách như vậy.

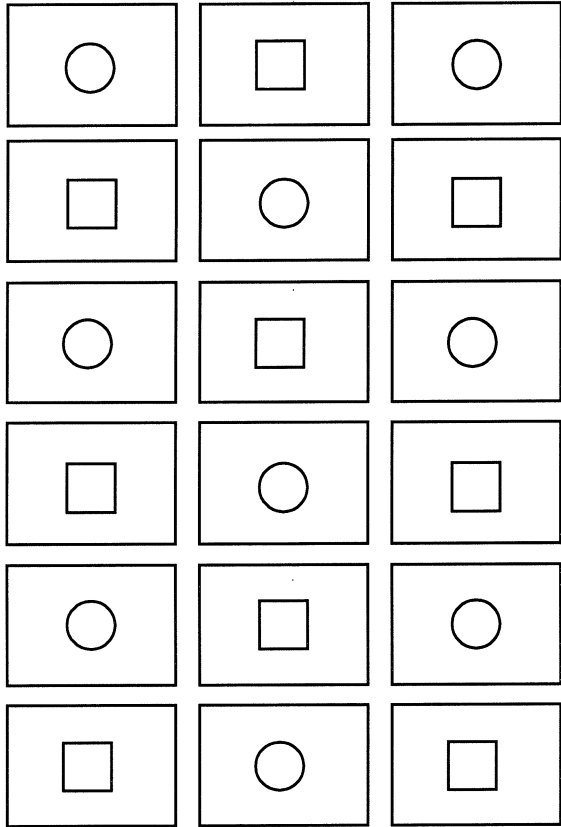
( + ) ( + ) ( + )

Bằng việc chỉ ra và phân biệt những từ ở trong ô, cố gắng để học sinh nhận ra và phân biệt những chữ hay hình.

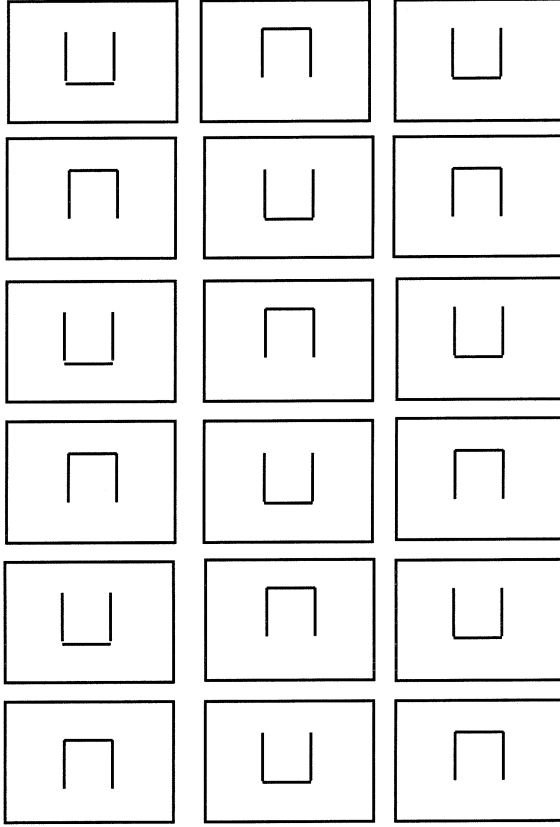
		
		
		

Lưu ý: Giáo viên dạy những ô chữ đầu tiên cho học sinh bằng cách thị phạm và cố gắng dạy tất cả các ô chữ cùng một phương pháp như vậy. Chỉ khi nào cần thiết thì giáo viên mới giúp đỡ.

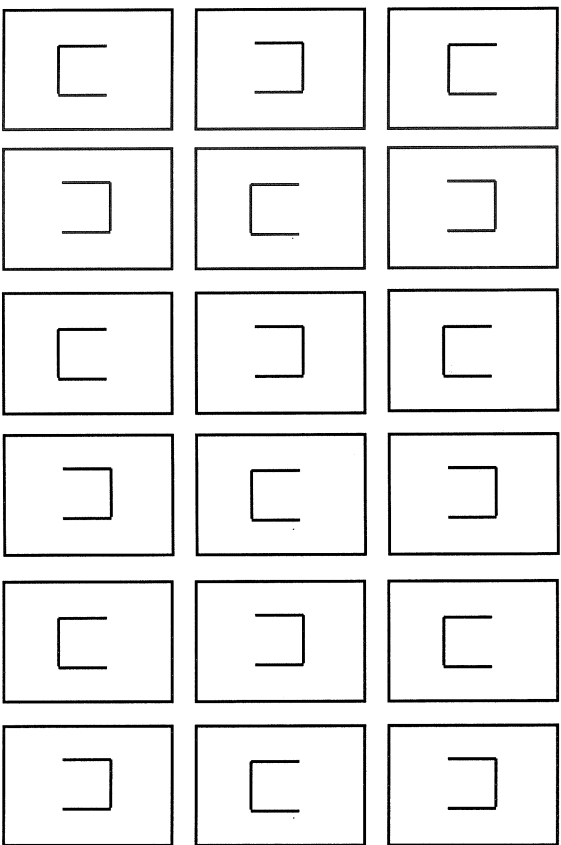
1



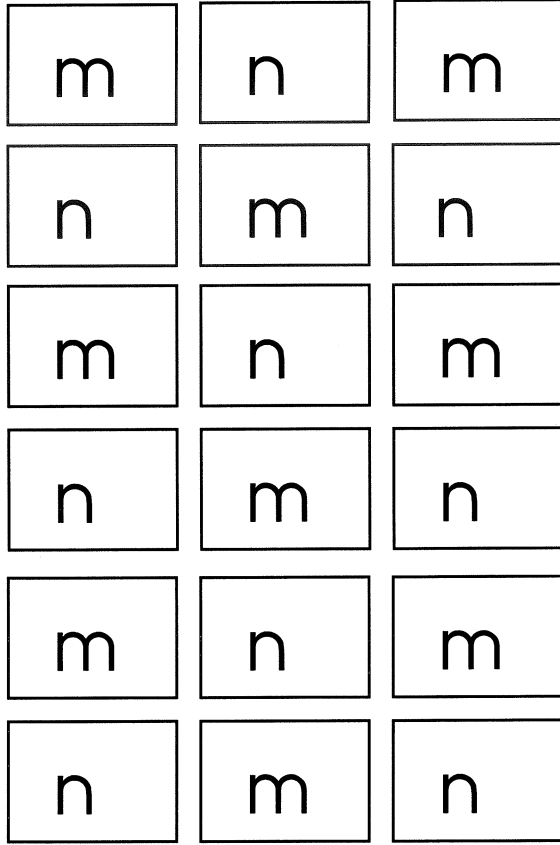
2



3



4



LUYỆN TẬP TRƯỚC ĐỂ ĐỌC (5-8)

Giáo viên nói:

1. Vẽ những ô hình này từ trái sang phải và nhìn mỗi hàng từ trên xuống dưới. Các bạn hãy chỉ ra chữ giống với chữ “a”.

Giáo viên thị phạm và nói “Nào, các bạn làm thử xem!”

2. Giáo viên chỉ lại chữ “a” và nói “Đây là “a”. Hãy nói “a”.

Chỉ ra “a” trong ô hình và mỗi lần như thế hãy nói “a”. Giáo viên thị phạm và nói “Nào, các bạn hãy làm thử xem”.

Dạy phát âm và cho nhận ra chữ “o” và “e” cùng một phương pháp như (1) và (2).

Mỗi lần như thế giáo viên khen “Giỏi lắm!” Trong những ô hình khác thì giáo viên cũng cho học sinh nhận ra từ vựng hay yếu tố của từ trước, rồi sau đó dạy phát âm.

5

a	i	u
i	u	a
u	a	i
a	i	u
i	u	a
u	a	i

6

nai	nan	nia
nan	nia	nai
nia	nai	nan
nai	nan	nia
nan	nia	nai
nia	nai	nan

7

da	ra	ta
ra	ta	da
ta	da	ra
da	ra	ta
ra	ta	da
ta	da	ra

8

trai	trời	trên
trời	trên	trai
trên	trai	trời
trai	trời	trên
trời	trên	trai
trên	trai	trời

Năm bước giảng dạy (tóm tắt)

NĂM BƯỚC HƯỚNG DẪN (*Lưu ý: Phải áp dụng với tất cả các bài*)

Giáo viên phải thuộc 5 bước hướng dẫn.

1. Dạy từ vựng bằng hình ảnh
2. Tìm từ vựng
3. Dạy ô chữ
4. Sử dụng thẻ từ vựng
5. Dạy câu

BƯỚC 1: DẠY TỪ VỰNG BẰNG HÌNH ẢNH

“Đây là hình cái “ca”. Hãy gọi “ca”.

“Đây là hình gì?” (*ca*)

“Từ này gọi là “ca”. Hãy nói “ca”. (*ca*)

“Từ này gọi là gì?” (*ca*)

“Ca” kết thúc là “a”. Hãy nói “a”. (*a*)

“Đây là gì?”. (*a*). “Đây là?” (*a*) “Tốt lắm”

“Từ này gọi là gì? (*ca*). “Giỏi lắm”

“Đây là hình con “bò”. Hãy nói “bò”

“Đây là hình gì?” (*bò*)

“Từ này gọi là “bò”. Hãy nói “bò” (*bò*)

“Từ này gọi là gì?” (*bò*)

“Bò” kết thúc là “o”. Hãy nói “o” (*o*)

“Đây là “o”. Hãy nói “o” (*o*)

“Đây là gì?” (*o*). “Đây là?” (*o*)

“Đây là? (*bò*) “Tốt lắm”

“Đây là?” (*ca*)

“Đây là?” (*bò*). “Giỏi lắm”

BƯỚC 2: TÌM TỪ

“Từ này là gì“ (*ca*)

Mỗi khi tìm được từ này trong bài hãy gọi là “ca”. (*ca*).

Nếu học sinh không tìm được từ “ca”, giáo viên chỉ ra từ đó và chỉ từ vựng ở bên phải hình, hỏi:

“Từ này và từ này có giống nhau không?” (*có*)

“Từ này gọi là gì?” (*ca*)

“Từ này gọi là gì?” (*ca*)

“Tốt lắm”

Đối với từ “bò” giáo viên cũng hướng dẫn học sinh bằng phương pháp này.

“Từ này gọi là gì?” (*bò*)

“Mỗi khi tìm được từ này trong bài hãy gọi là “bò”

“Từ này và từ này có giống nhau không?” (*giống*)

“Đây gọi là gì?” (*bò*)

“Đây là?” (*bò*)

“Giỏi lắm”

BƯỚC 3: DẠY HÌNH

• Những ví dụ theo hộp chữ số 1:

“Từ này là gì?” (*ca*)

“Ca” kết thúc là “a”. Hãy nói “a”. (*a*)

“Đây là gì?” (*a*)

“Đây là?” (*ca*), “Đây là?” (*ca*)

“Đây là gì?” (*ca*)

“Tốt lắm”

• Những ví dụ theo hộp số 2:

“Đây là gì?” (*bò*)

“bò” kết thúc là “o”, đọc “o”

Đây là “o”. Hãy nói “o”.

“Đây là gì?” (*o*)

“Đây là gì?” (*bò*)

“Tốt lắm”

• Những ví dụ theo hộp số 3:

Đây là gì? (*a*)

“Đây là gì?” (*o*)

“Đây là gì?” (*ba*)

“Đây là gì?” (*bò*)

“Tốt lắm”.

- **Hộp số 4 và 5:** Dạy giống như cách dạy ở hộp số 3.

- **Hộp số 6:**

Đây là “bé”, đọc “bé”

Đây là gì?” (*bé*)

Bé kết thúc là “e” đọc “e”

Đây là “e” đọc “e”

“Đây là gì?” (*e*)

“Đây là gì?” (*bé*)

“Đây là gì?” (*bé*)

- **Hộp số 7:** Dạy giống như cách của hộp thứ 6

- **Hộp số 8 và 9:**

“Đây là gì?” (*ca*)

“Đây là gì?” (*có*)

“Đây là gì?” (*ba*)

“Đây là gì?” (*cá*)

BƯỚC 4: SỬ DỤNG THẺ TỪ VỰNG

Nếu những từ trên thẻ đã được dạy, giáo viên hỏi “Đây là gì?”. Trong trường hợp học sinh không nhận ra từ vựng đã học được viết trong thẻ, giáo viên không nên cho học sinh biết những từ đó.

Giáo viên chỉ ra từ vựng đó trong thẻ, sau đó vừa chỉ từ vựng bằng hình giống như từ vựng đó và hỏi “Từ này có giống từ này không?”

Nếu là từ mới, giáo viên nói “Đây là.....”. “Hãy gọi đây là.....”.

Hỏi lại “Đây là gì? (.....)”

Tốt lắm

BƯỚC 5: DẠY CÂU

“Từ này là gì?” (bò)

“Đây là?” (bò)

Sau khi hỏi từ vựng ở phần dưới mỗi bài, giáo viên hướng dẫn câu.

“Tôi sẽ đọc câu này trước. Hãy nghe kỹ.”

Giáo viên đọc câu. Sau đó, giáo viên nói: “Hãy đọc cùng với tôi”. Học sinh đọc cùng với giáo viên. Giáo viên khen “Giỏi lắm”.

“Nào, các bạn thử đọc một mình nhé?” Để học sinh tự đọc một mình. “Tốt lắm”

Giáo viên sẽ biết được cách như thế nào để có thể dạy dễ dàng và chính xác cho học sinh, sau đó là cách giáo viên dạy viết cho họ.

Dạy để học sinh cầm bút chì cho đúng và đặt lên giấy ở bên phải. Nếu cần thiết, giáo viên trực tiếp cầm tay học sinh hướng dẫn khi bắt đầu học viết.

Đầu tiên khi dạy viết, giáo viên phải thường xuyên giải thích tính cần thiết của việc sử dụng đường phác họa và đường phác họa đó có ích lợi như thế nào trong việc viết chữ đẹp. Phải sử dụng đường phác họa để học sinh bắt đầu viết một cách chính xác.

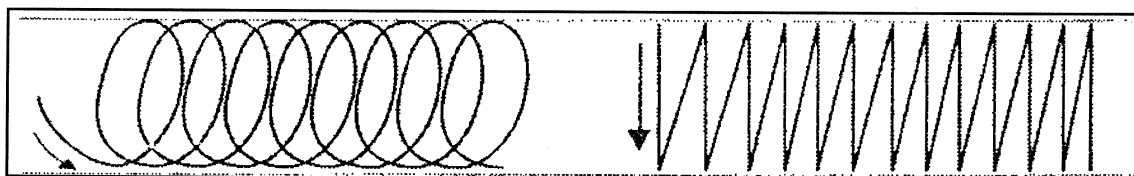
CÁCH VIẾT CHỮ IN HOA

A	Ă	Â	B	C
D	Đ	E	Ê	G
H	I	K	L	M
N	O	Ô	Ớ	P
Q	R	S	T	U
Ư	V	X	Y	

CÁCH VIẾT SỐ

0	1	2	3	4
5	6	7	8	9

Học sinh khi bắt đầu viết thì cần nhiều sự giúp đỡ. Nếu học sinh có khó khăn trong việc viết chữ thì cần luyện tập vẽ những đường tròn hay kẻ đường thẳng từ trên xuống dưới như hình vẽ sau:



Hướng dẫn viết theo thứ tự sau:

1. cầm bút chì đúng và viết vào khoảng trống
2. Đặt tay lên bàn và viết chữ
3. Viết chữ lên giấy có kẻ đường thẳng

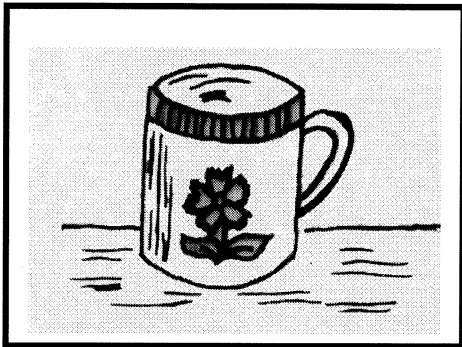
Khi bắt đầu học viết, việc luyện tập đặc biệt là điều cần thiết cho học sinh viết chữ.

Cố gắng để học sinh vừa viết chữ vừa nói thành tiếng các âm tiết và nguyên âm. Chỉ dạy tiếng, đừng dạy tên chữ. Chữ mới học ở mỗi bài được xuất hiện ở phần đầu của trang đầu tiên. Những chữ như thế phải cho viết khi dạy viết ở bước đầu. Đầu tiên, hướng dẫn nguyên âm “a” ở bài 1, sau đó hướng dẫn nguyên âm “o”. Kế tiếp, dạy viết phụ âm “b” (sử dụng phác họa). Sau đó viết chữ “c”, tiếp theo viết chữ “ca” và có thể viết chữ “bò”.

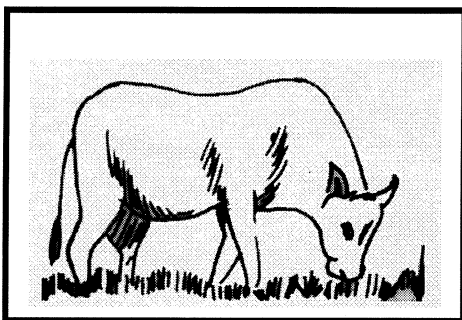
C	c	c	C	c	a	a	a	a
B	b	b	B	b	ò	ò	ò	ò
ca	ca	ca	ca	ca	ca	ca	ca	ca
bò	bò	bò	bò	bò	bò	bò	bò	bò
bé	có	ca	bé	có	ca	bé	có	ca

Khi dạy những chữ đó, giáo viên hãy tự nói từ vựng và âm tiết. Rồi nhanh chóng di chuyển từ chỗ viết chữ sang viết âm tiết hay từ vựng ngắn. Khi kết thúc học từ vựng ở bài đầu tiên hãy bắt đầu viết câu. Hãy tiến hành từ từ, từ câu ngắn đến câu dài. Hãy nói cho học sinh để sau này học sinh có thể tự viết được tên mình, địa chỉ của bạn bè và viết thư. Trước khi dạy mỗi bài học, giáo viên nhất định phải luyện tập viết từ vựng mới. Nếu như vậy, giáo viên có thể có kế hoạch chính xác những điều sẽ dạy học sinh như thế nào.

bài 1: **a, b, c, e, o, ' , ` , ?**



ca	a	a
a	a	a



bò	o	o
o	o	o

ca	a
a	ca

bò	o
o	bò

a	o
ba	bo

ba
bo

ba	bo
----	----

ca

bé

ba

bé	e
e	bé

có	o
o	có

cá
có

ba
cá

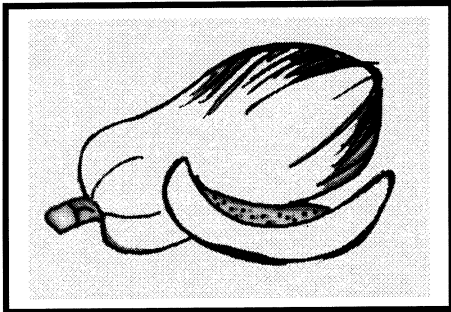
bé có ca
 ba có cá
 bò có cở
 ba có bò

bò

cá

có

bài 2: đ, u, ư, m, ă, ã, ơ



đu đủ đu u u
 u u u u



mẹ e e
 e e e

đu đủ đu đủ u	u đu đu đủ
---------------------	------------------

mẹ e	e mẹ
---------	---------

a đa	e đe
---------	---------

đa
đe

đa	đe
----	----

đu

đủ

cứ

cứ	ư
ư	cứ

bú	u
u	bú

có
bò

bé
bà

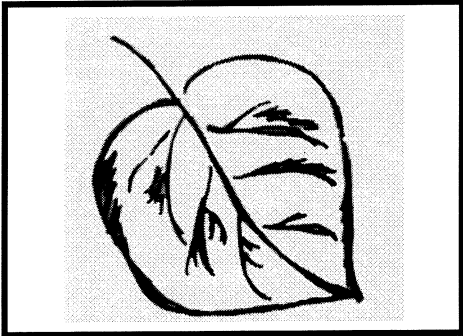
bé bò
 bé cứ bú mẹ
 bà có ca
 mẹ có đu đủ

mẹ

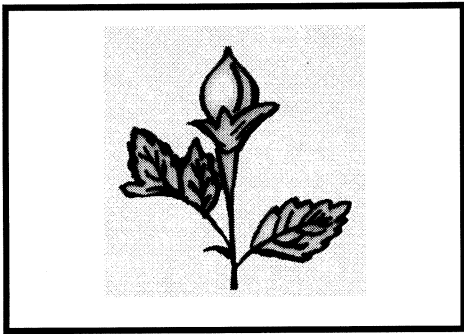
bú

bà

bài 3: **n, l, i, y**



lá a a
a a a



cái nụ nụ u u
nụ u u u

lá	a
a	lá

nụ	u
u	nụ

u	o
bu	bo

bu
bo

bu	bo
----	----

nụ

lá

bẻ

ly	y
y	ly

đi	i
i	đi

mi
ly

nụ
no

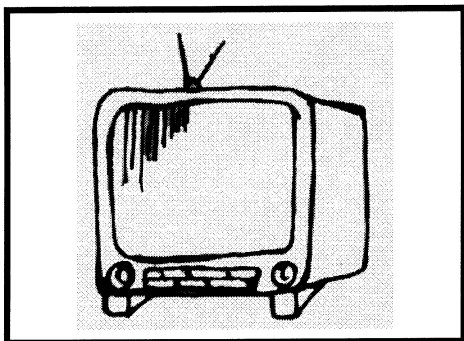
bà đi ðò
 ba có ly
 bé có lá
 mẹ bẻ nù

ly

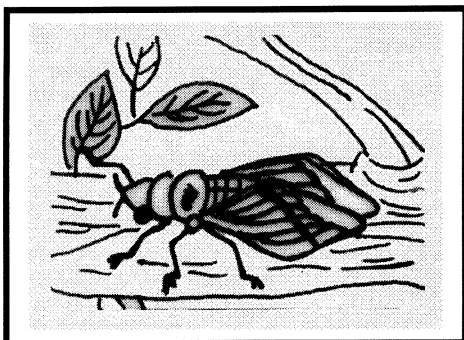
đi

ðò

bài 4: **t, v, ê, o, n, ^, ~,**



ti vi	ti	i	i
ti	i	i	i



con ve	ve	e	e
ve	e	e	e

ti vi	i
ti	ti
i	tivi

con ve	e
ve	ve
e	con ve

i	e
vi	ve

vi
ve

vi	ve
bi	be

ti vi

và

vê

về	ê
ê	về

đón	on
on	đón

vi
về

con
đón

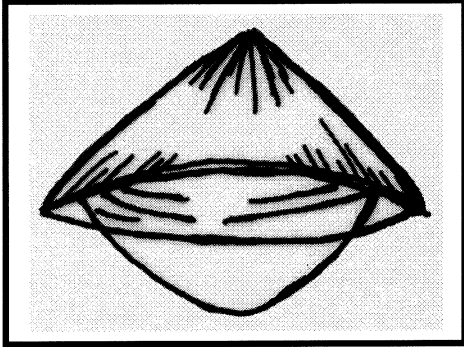
ti vi có con ve
 bé vẽ con ve và lá
 bé vẽ ti vi
 ba mẹ đi đò về
 bà và bé đón ba mẹ

con ve

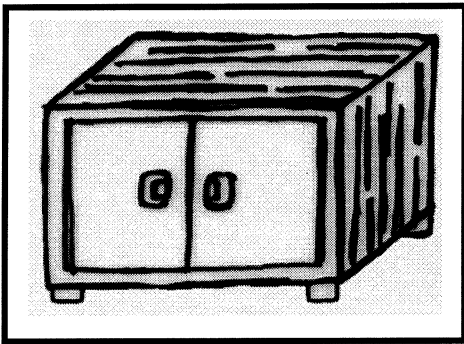
về

đón

bài 5: ôn tập



nón lá nón on on
nón on on on



tủ u u
u u u

nón lá	on
nón	nón
on	nón lá

tủ	u
u	tủ

u	a
lu	lá

lu
lá

lu	lá
tu	tá

nón lá

đã

cũ

lễ	ê
ê	lễ

va li	i
li	li
i	va li

bà
bỏ

tủ
cũ

nón lá đã cũ
 bà bỏ nón lá
 mẹ có nón đi lễ
 bà có tủ to
 tủ có va li
 tủ đã cũ

tủ

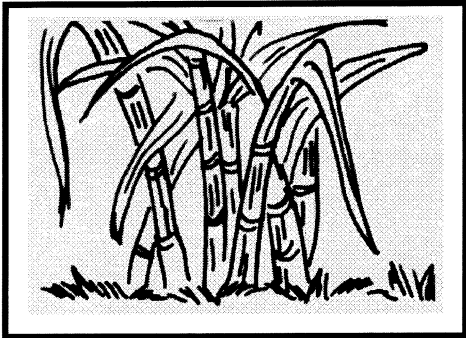
bỏ

to

va li

lễ

bài 6: **h, ch, ia, yêu**



mía ia ia
ia ia ia



cha a a
a a a

mía	ia
ia	mía

cha	a
a	cha

o	a	ia
cho	cha	chia

cho
cha
chia

cho	cha	chia
đo	đa	đia

mía

yêu

cho

cho	o
o	cho

yêu	yêu
yêu	yêu

cho
ho

me
mía

mẹ tía lá mía
 chị bẻ mía cho bé
 bé cho mẹ mía
 cha yêu con
 cha cho con mía
 con yêu cha

cha

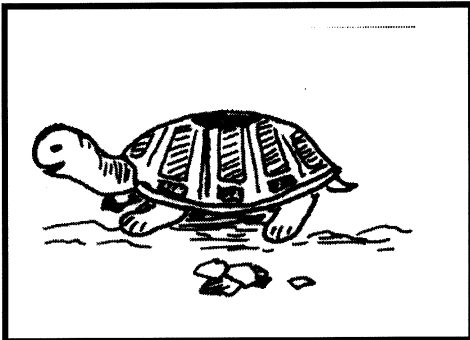
chị

tía

bài 7: **r, tr, ua, ai, ao**



con trai trai ai ai
trai ai ai ai



con rùa rùa ua ua
rùa ua ua ua

con trai trai ai	ai trai con trai
------------------------	------------------------

con rùa rùa ua	ua rùa con rùa
----------------------	----------------------

ai	ia	ua
rai	ria	rua

rai
ria
rua

rai	ria	rua
chai	chia	chua

con trai

chào

mua

chào	ao
ao	chào

mua	ua
ua	mua

bao	ao
ao	bao

vào	ao
ao	vào

vào
bao

mua
mía

mẹ bế con trai
 con trai chào cha mẹ
 cha mẹ yêu con trai
 cha mua rùa cho con
 bé yêu rùa
 rùa bò đi
 bé bỏ rùa vào bao

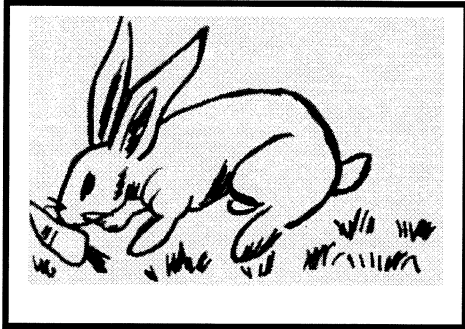
con rùa

vào

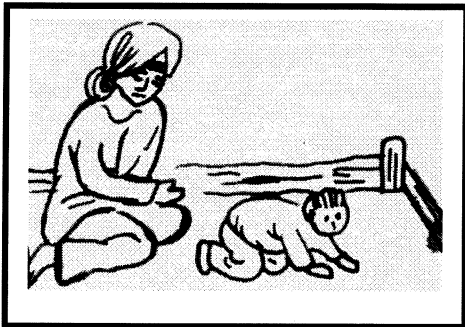
bao

mua

bài 8: **th, ô, ơ, ôi, ơ**



con thỏ thỏ thỏ thỏ
thỏ thỏ thỏ thỏ



bà nội nội ôi ôi
nội ôi ôi ôi

thỏ	th
th	thỏ

bà nội	ôi
nội	nội
ôi	bà nội

ua	ai	ao
rua	rai	rao

rua
rai
rao

rua	rai	rao
tua	tai	tao

con thỏ

hái

non

nón	on
on	nón

hái	ai
ai	hái

chơi	ơi
ơi	chơi

với	ơi
ơi	với

đu
đu

cơm
non

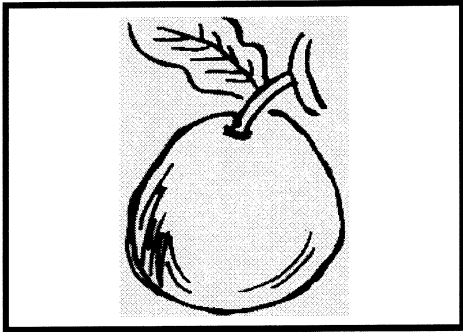
mẹ mua thỏ cho bé
 bé cho thỏ cái đồ
 chị hái lá non cho thỏ
 bé chơi với con thỏ
 bà nội yêu bé
 bé chơi với bà
 bà nội với bé đi đồ
 bà cho bé đu đu

bà nội

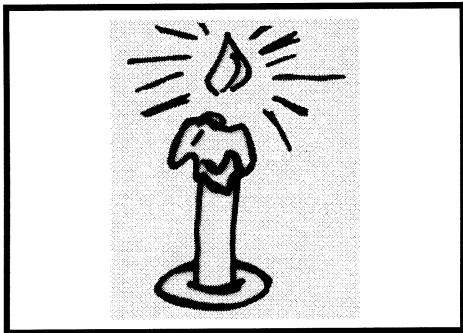
chơi

với

bài 9: **ng, ây, ên, ươi**



trái bưởi bưởi ươi ươi
bưởi ươi ươi ươi



cây nến nến ên ên
nến ên ên ên

trái bưởi	ươi
bưởi	bưởi
ươi	trái bưởi

cây nến	ên
nến	nến
ên	cây nến

ô	ôi	ơ
thô	thôi	thơ

thô
thôi
thơ

thô	thôi	thơ
hô	hôi	hơ

trái bưởi

ngã

thối

để	ê
ê	để

trên	ên
ên	trên

thối	ôi
ôi	thối

ngã	a
a	ngã

hái
trái

me
mua

nến
trên

con trai hái trái bưởi
 bà tỉa lá trái bưởi
 bé vẽ trái bưởi
 chị bỏ trái bưởi vào bao
 mẹ mua cây nến
 mẹ để cây nến trên tủ
 bé thổi cây nến
 cây nến bị ngã

cây nến

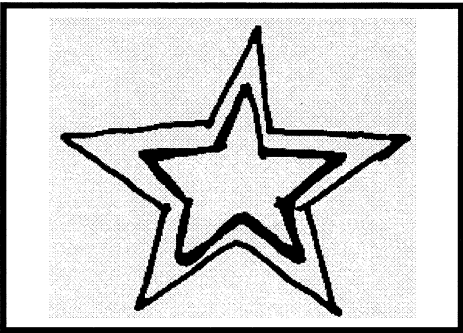
để

trên

bài 10: **s, nh, ă, ang**



căn nhà nhà nhà nhà
nhà nhà nhà nhà



ngôi sao sao ao ao ao
sao ao ao ao ao

căn nhà	căn nhà
nhà	nhà

ngôi sao	sao
sao	ngôi sao

ây	ai	ơi
ngây	ngai	ngơi

ngây
ngai
ngơi

ngây	ngai	ngơi
thây	thái	thời

căn nhà

căn

trời

trời	ơi
ơi	trời

tạo	ao
ao	tạo

căn	ăn
ăn	căn

sáng	ang
ang	sáng

sao
tao

và
bà

cho
chi

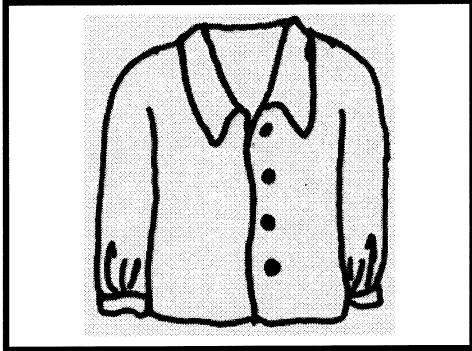
nhà đã cũ
 bà mua căn nhà
 nhà bà có ti vi và tủ
 ba mẹ và bé về nhà bà chơi
 bé yêu căn nhà bà
 ngôi sao trên trời
 ai tạo ngôi sao
 ngôi sao sáng
 bé vẽ ngôi sao
 bé cho chị ngôi sao

ngôi sao

tạo

sáng

bài 11: ôn tập



cái áo áo áo áo
áo áo áo áo



lúa ua ua ua
ua ua ua ua

cái áo	áo
áo	cái áo

lúa	ua
ua	lúa

i	ia	ua
ti	tia	tua

ti
tia
tua

ti	tia	tua
ri	ria	rua

cái áo

cái

mới

cái	ai
ai	cái

mới	ơ
ơ	mới

đồ	ô
ô	đồ

chở	ơ
ơ	chở

trai
trên

bao
vào

đã
đò

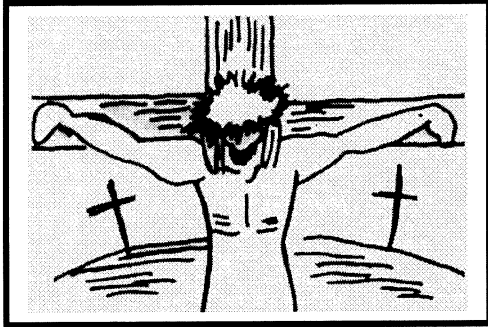
cái áo đã cũ
 mẹ mua cái áo mới cho con trai
 con trai có áo mới
 con trai để áo vào va li
 va li để trên tủ
 bà mua lúa về
 mẹ bỏ lúa vào bao
 ba chở lúa về nhà
 bé đi ò đón ba
 ba cho bé trái bưởi

lúa

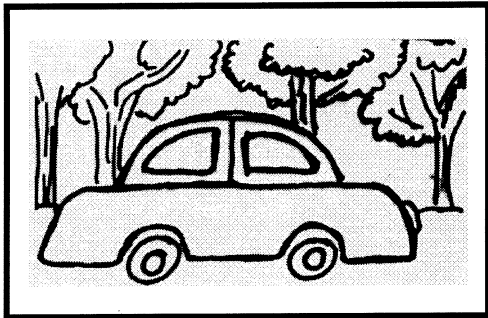
đồ

chở

bài 12: **x, in, gi**



chúa giê-xu giê gi gi
giê gi gi gi



xe hơi xe xe
xe xe xe

chúa giêxu	gi
giê	giê
gi	chúa giêxu

xe hơi	xe
xe	xe hơi

ây	ôi	ai
cây	cối	cái

cây
cối
cái

cây	cối	cái
hây	hối	hái
tây	tối	tái

chúa giê-xu

tin

ở

ở	ơ
ơ	ở

người	ười
ười	người

nên	ên
ên	nên

tin	in
in	tin

xe
mẹ
bé

mới
với
hơi

đã
đi
đò

xe hơi đã cũ
 ba mua xe hơi mới
 ba chở bé với mẹ đi lễ
 bé đi lễ trên xe hơi mới

chúa Giê-xu yêu con người
 con người nên tin chúa Giê-xu
 chúa Giê-xu ở với con người
 chúa Giê-xu đến nhà bé

xe hơi

người

nên

bài 13: **ph, ước, ông**



sông ông ông ông
ông ông ông ông



cái phao phao phao
phao phao phao

sông	ông
ông	sông

cái phao	phao
phao	cái phao

ười	ôi	ơi
người	ngôi	ngơi

người
ngôi
ngơi

người	ngôi	ngơi
tười	tôi	tơi
lười	lôi	lơi

sông

bên

sự

phước	ước
ước	phước

bên	ên
ên	bên

sự	ư
ư	sự

sống	ông
ông	sống

bà
nhà
là

cho
chơi
chúa

xu
sứ
đủ

nhà bà ở bên sông
 bà đi dò trên sông
 bà mua cho bé cái phao
 bé chơi phao trên sông

chúa Giê-xu là phước cho con người
 chúa Giê-xu là sông sự sống
 ai tin chúa Giê-xu có phước
 phước cho người tin chúa Giê-xu
 chúa Giê-xu là phao sự sống
 con người nên có chúa Giê-xu

cái phao

phước

sống